

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/DS-ST
Ngày: 27-6-2023
“V/v: Tranh chấp dân sự về
hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thuỳ Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm.

2. Ông Trần Văn Bé Hai.

**- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.**

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 834/2023/TLST-DS ngày 15/12/2022 về việc: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hui”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2023/QĐXXST-DS ngày 16/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2023/QĐST-DS ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thanh T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là chị Phan Thị Thảo Q, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 21, quốc lộ 30, phường M, thành phố C, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phan Nghĩa T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

(Chị Q có mặt, bà M và ông Nghĩa T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và ý kiến trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị Phan Thị Thảo Q trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng bà Nguyễn Ngọc M, ông Phan Nghĩa T có tham gia chơi hội do bà T làm chủ hội, mục đích để có vốn buôn bán, tạo ra kinh tế phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình.

Vợ chồng bà M có tham gia chơi 01 dây hội 500.000 đồng/01 tuần, 01 tuần khui hội một lần, mở ngày 24/12/2020 âm lịch (nhằm ngày 05/02/2021 dương lịch), mần hội ngày 21/6/2021 âm lịch (nhằm ngày 30/7/2021 dương lịch), hội gồm 26 phần, có 13 người tham gia. Dây hội này vợ chồng bà M tham gia 02 phần, ghi tên trong sổ hội là C ÚT (tên thường gọi ở nhà bà M).

Vợ chồng bà M hốt hội vào ngày mở hội kỳ đầu tiên (ngày 24/12/2020 âm lịch) cho cả 02 phần hội, được 20.600.000 đồng, bà T đã giao đủ số tiền hội của 02 phần cho vợ chồng bà M, có viết giấy xác nhận do bà M ký và ghi họ tên.

Tại 02 phần hội này, vợ chồng bà M đã đóng hội chết được 15 lần đến kỳ ngày 10/4/2021al, sau đó vợ chồng bà M không đóng hội nữa.

Như vậy, vợ chồng bà M còn phải đóng hội chết 10 lần cho cả 02 phần hội (mỗi phần hội là 500.000 đồng) với số tiền là 1.000.000 đồng x 10 lần = 10.000.000 đồng.

Sau đó, bà T yêu cầu vợ chồng bà M thực hiện nghĩa vụ đóng hội nhưng vợ chồng bà M, ông Trung hứa hẹn nhiều lần, sau đó cố tình tránh né, không thực hiện.

Theo đơn khởi kiện bà Trần Thanh T yêu cầu bà Nguyễn Ngọc M và ông Phan Nghĩa T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ hội là 10.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 14/11/2022, lãi suất 0.83%/tháng là 1.2283.733 đồng, tổng cộng là 11.283.733 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, chị Phan Thị Thảo Q là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thanh T thay đổi yêu cầu khởi kiện và bà T xác định đến ngày 19/5/2021 al thì bà M ngưng đóng hội, nay bà T chỉ yêu cầu bà Nguyễn Ngọc M và ông Phan Nghĩa T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ hội là 5.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/7/2021 đến ngày 27/6/2023 là 22 tháng 27 ngày, lãi suất 0.83%/tháng số tiền là 954.166 đồng (làm tròn 954.000 đồng), tổng cộng là 5.954.000 đồng.

- Bà Nguyễn Ngọc M và ông Phan Nghĩa T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

* Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

- Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

- Biên nhận dây hụi 500.000đồng/tuần, khai ngày 24/12/2020AL.
- Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đối thoại (bản chính);
- Sổ hụi tuần (bản photo);
- Hợp đồng ủy quyền (bản chính).

- Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa:

- Biên nhận dây hụi 500.000đồng/tuần, khai ngày 24/12/2020AL.
- Sổ hụi tuần (bản chính);

* Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và thu thập đã được thông báo công khai; các đương sự không còn tài liệu, chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Ngọc M và ông Phan Nghĩa T phải liên đới trả số tiền nợ hụi. Căn cứ khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hụi”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc M có nơi cư trú tại xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh. Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[1.3] Bà M và ông Trung được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M và ông Trung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Vào khoảng cuối năm 2020, giữa bà T và bà M có thỏa thuận giao kết hợp đồng góp hụi với nhau, bà T là chủ hụi, bà M là hụi viên. Quá trình chơi hụi, bà T có lập danh sách hụi, có giao danh sách hụi cho bà M, khi bà M hốt hụi có làm biên nhận nhận tiền hụi cho bà M ký nhận nhận tiền. Bà M tham gia chơi dây hụi tuần 500.000 đồng và đã hốt hết nhưng không đóng hụi chết lại đầy đủ cho bà T, bà T phải đóng thay cho bà M. Sau khi đối chiếu sổ theo dõi đóng hụi và bà M có đóng 20.000.000 đồng thì bà M còn thiếu lại bà T số tiền nợ hụi là 5.000.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình bà T xuất trình biên nhận nhận tiền hụi của dây hụi tuần 500.000 đồng có thể hiện dây hụi bao nhiêu tiền, bao nhiêu phần hụi, bà M tham gia bao nhiêu phần, ngày khai hụi, ngày hốt hụi, số tiền hốt hụi được bao nhiêu, có chữ ký của bà M và danh sách hụi viên của dây hụi.

Như vậy, việc bà M có tham gia chơi hụi theo danh sách như bà T trình bày là có thật. Do đó, giao dịch dân sự về hụi giữa bà T và bà M theo bà T đã trình bày theo đơn khởi kiện là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2.2] Xét quá trình tham gia chơi hụi:

Hợp đồng góp hụi giữa bà T và bà M xác lập bằng lời nói, có lập sổ hụi, khi lãnh hụi có làm biên nhận, đây là hụi có lãi và hoa hồng. Theo sổ hụi bà T cung cấp, khi tham gia chơi hụi, bà T ghi tên bà M là “C Út”. Bà T yêu cầu bà M phải thực hiện nghĩa vụ đóng hụi của dây hụi tuần 500.000 đồng bà M đã tham gia chơi và đã hốt hụi. Hiện nay dây hụi này đã mãn, bà M không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi lại đầy đủ, bà T phải đóng thay cho bà M.

Dây hụi này bà M tham gia từ 2 phần hụi, bà M hốt lần khai hụi đầu tiên, bà M yêu cầu được lãnh tiền một lần của 2 phần nên bà T đã lấy tiền của bà để giao tiền luôn cho bà M phần hụi còn lại. Vì vậy, theo biên nhận giao tiền hụi ngày 24/12/2020, thể hiện bà T đã giao đủ 2 phần hụi cho bà M, sau khi trừ tiền hoa hồng tổng số tiền bà M nhận là 20.600.000 đồng.

Xét thấy, tại phiên tòa, chị Q đại diện theo uỷ quyền của bà T trình bày bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định đến ngày 19/5/2021 al thì bà M ngưng đóng hụi. Nên Hội đồng xét xử xét căn cứ vào lời trình bày của phía nguyên đơn là tính đến ngày 19/5/2021 còn lại bao nhiêu kỳ hụi chưa đóng thì bà M phải có nghĩa vụ đóng tiếp số tiền nợ hụi còn thiếu cho bà T.

Cụ thể dây hụi 500.000 đồng/tuần, bắt đầu khai ngày 24/12/2020AL có 26 phần, bà M tham gia 02 phần. Bà M hốt hụi kỳ thứ nhất, tính đến ngày 19/5/2021

al, bà M còn nợ lại 05 kỳ hui chưa đóng (500.000đ x 2 phần x 5 kỳ) với số tiền 5.000.000 đồng.

[2.3] Về lãi suất

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hui là 5.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/7/2021 đến ngày 27/6/2023 là 22 tháng 27 ngày, lãi suất 0.83%/tháng số tiền là 954.166 đồng (làm tròn 954.000 đồng).

Xét thấy, bà T yêu cầu tính tiền lãi kể từ thời điểm mãn hui mà bà M không đóng hui, nên có cơ sở xác định bà M đã vi phạm nghĩa vụ góp hui cho bà T nên việc bà T yêu cầu bà M phải trả tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày 30/7/2021 là phù hợp theo quy định của pháp luật. Việc thỏa thuận góp hui giữa bà T với bà M không có thỏa thuận về trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà M phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Do đó, mức lãi suất mà bà T yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Cụ thể, chấp nhận tính tiền lãi từ ngày 30/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/6/2023 như sau: 5.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 22 tháng 27 ngày = 954.166 đồng (nguyên đơn đồng ý làm tròn 954.000 đồng).

[3] Nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Theo đơn khởi kiện, chị T yêu cầu ông Trung (chồng bà M) phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ hui cùng bà M.

Xét thấy, hiện nay ông Trung và bà M là vợ chồng, vẫn còn chung sống với nhau. Khoản tiền nợ hui của bà M phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và để phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình nên căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân gia đình, ông Trung phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng bà M. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng bà M và ông Trung vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Đồng thời, bà M và ông Trung cũng đã được thông báo kết quả phiên họp, kèm các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, bà M và ông Trung không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Do đó, bà M và ông Trung phải tự chịu

trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với khoản nợ theo yêu cầu của bà T.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 471, Điều 468 Bộ luật dân sự xác định yêu cầu của bà T là có căn cứ. Buộc bà Nguyễn Ngọc M và ông Phan Nghĩa T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thanh T số tiền nợ hui 5.000.000 đồng, tiền lãi 954.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 5.954.000 đồng.

[6] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án:

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014869 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Bà M và ông Trung phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điều 17; Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hui, biêu, phườg;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**** Tuyên xử:***

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thanh T.
- Buộc bà Nguyễn Ngọc M và ông Phan Nghĩa T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thanh T số tiền nợ hui 5.000.000 đồng và tiền lãi 954.000 đồng, tổng cộng là 5.954.000 đồng (Năm triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Ngọc M và ông Phan Nghĩa T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Trần Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014869 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

4 Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CC THADS huyện Cao Lãnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thuỳ Vân

